

Số: 2191/NĐCP-KHĐTVT

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 5 năm 2025

V/v: Thư mời chào giá lập dự toán vật tư

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Cung cấp van và các phụ kiện – Tiêu tu S1
- Số hiệu đơn hàng: 122/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Chi tiết như bảng kê đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào giờ hành chính các ngày thứ 2, thứ 5 trong tuần không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.
- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng



- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Với các mục hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ

+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: Cấp CQ của nhà sản xuất.

Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, trên CO, thể hiện đơn vị nhập khẩu là Doanh nghiệp/ Hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương. Yêu cầu cấp bản công chứng. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc. Trong trường hợp CO, CQ Được viết bằng ngôn ngữ khác (không phải là tiếng Việt), Nhà cung cấp phải cấp kèm theo Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật.

- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.

- Nhà cung cấp có thể chào giá cho từng phần hoặc toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương (đính kèm tài liệu kỹ thuật hàng tương đương, Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất,).

Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì Nhà thầu phải chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn giữa hàng hóa nhà thầu chào với hàng hóa thuộc phạm vi gói thầu, cụ thể như sau:

(i) Tính năng sử dụng, đồng bộ tương thích về đặc tính, thông số kỹ thuật, công nghệ và kích thước lắp đặt/kết nối với các thiết bị/hệ thống hiện hữu của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, đính kèm các tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất mà nhà thầu chào tương đương hoặc tốt hơn, Data sheet, bản vẽ kỹ thuật hoặc bản vẽ gia công chế tạo có đầy đủ kích thước, vật liệu sử dụng, Bảng so sánh chi tiết tính tương đương hoặc tốt hơn với vật tư, thiết bị gốc (đặc tính kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn): Quy chuẩn áp dụng, tiêu chuẩn/công nghệ áp dụng chế tạo, tiêu chuẩn và dụng sai lắp ghép, kích thước lắp ghép, cơ lý tính vật liệu chế tạo ...v.v... để chứng minh. Các tài liệu chứng minh được viết bằng tiếng Việt hoặc Bản dịch thuật sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung. Nếu Nhà cung cấp không cung cấp bổ sung các tài liệu theo yêu cầu, Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá “Không đạt”.

(ii) Cung cấp 01 hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị tương đương (được công chứng/chứng thực) và bản xác nhận của đơn vị sử dụng về tính đáp ứng hệ thống khi thay thế, lắp đặt vào hệ thống có cùng kiểu, loại với hệ thống đang sử dụng của bên mời thầu. Trường hợp hợp đồng không phải tiếng Việt hoặc tiếng Anh phải dịch thuật sang tiếng Việt và được công chứng.

(iii) Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và

đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị).

(iv) Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức báo giá: ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 2191/NĐCP-KHĐTVT** gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 734 900

- Cán bộ phụ trách: Phạm Thị Tuyết; Điện thoại: 0936 825 989

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 09 giờ ' ngày 03/6/2025 .

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, PTT(1).

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hoàng Lân

Bảng kê chi tiết đơn hàng
(Đính kèm thư mời chào giá số 2191/NĐCP-KHĐTVT ngày 30 tháng 5 năm 2025)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Tết chèn ty van	Tết chèn ty van, PACKING SET, RES PART NO.: 344000B2501706K8; Chi tiết 14 - theo bản vẽ figure 6012-6015, hãng Emerson		Bộ	4,00	
2.	Ty van	Ty van, Chi tiết số 20, theo bản vẽ figure 6012-6015, STEM, RES PART NO.: 305000B25027103D, POS: 4, Hãng Emerson		Cái	1,00	
3.	Tết chèn ty van	Tết chèn ty van, PACKING SET, RES PART NO.: 344000B2501706K8; Chi tiết 14 - theo bản vẽ figure 6012-6015, hãng Emerson		Bộ	4,00	
4.	Van điều chỉnh	Hãng van neway; Mã hiệu van CSC; Quy cách đường kính 250x200; Áp lực danh nghĩa 300LB; Hành trình 80; Vật liệu thân van WCB, Lưu lượng đặc tính : tỉ lệ %; Phạm vi đàn hồi của lò xo: 80~200Kpa; Nguồn khí nén: 300Kpa; Tác động mở khí có khí nén		Cái	1,00	
5.	Van tay	DN20, T<555 độ C, PN 32 MPa		Cái	2,00	
6.	Phụ kiện van	Body/bonet gasket, mã hiệu V286654. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 4'' (100 mm), CL600, WCB, BW, GS-700-160DA; Serial Number: 0710-147050-7-1		Cái	1,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
7.	Phụ kiện van	Guide Bushing, mã hiệu V373407. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 4'' (100 mm), CL600, WCB, BW, GS-700-160DA; Serial Number: 0710-147050-7-1		Cái	1,00	
8.	Phụ kiện van	Packing Set*, mã hiệu V368489. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 4'' (100 mm), CL600, WCB, BW, GS-700-160DA; Serial Number: 0710-147050-7-1		Bộ	1,00	
9.	Phụ kiện van	Trim Gasket*, mã hiệu V267788. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 4'' (100 mm), CL600, WCB, BW, GS-700-160DA; Serial Number: 0710-147050-7-1		Cái	2,00	
10.	Phụ kiện van	Trim Gasket*, mã hiệu V268908. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 4'' (100 mm), CL600, WCB, BW, GS-700-160DA; Serial Number: 0710-147050-7-1		Cái	1,00	
11.	Phụ kiện van	Diaphragm, mã hiệu V185990. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 4'' (100 mm), CL600, WCB, BW, GS-700-160DA; Serial Number: 0710-147050-7-1		Cái	1,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
12.	Phụ kiện van	Body/Bonnet Gasket*, mã hiệu V282694. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-9-1		Cái	1,00	
13.	Phụ kiện van	Guide Bushing, mã hiệu V373407. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-9-1		Cái	1,00	
14.	Phụ kiện van	Packing Set*, mã hiệu V368489. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-9-1		Bộ	1,00	
15.	Phụ kiện van	Trim Gasket*, mã hiệu V269031. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-9-1		Cái	2,00	
16.	Phụ kiện van	Trim Gasket*, mã hiệu V268903. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-9-1		Cái	2,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
17.	Phụ kiện van	Diaphragm, mã hiệu V185990. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-9-1		Cái	1,00	
18.	Phụ kiện van	Body/Bonnet Gasket*, mã hiệu V282694. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-10-1		Cái	1,00	
19.	Phụ kiện van	Diaphragm, mã hiệu V185990. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-10-1		Cái	1,00	
20.	Phụ kiện van	Guide Bushing, mã hiệu V373407. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-10-1		Cái	1,00	
21.	Phụ kiện van	Packing Set*, mã hiệu V368489. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-10-1		Bộ	1,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
22.	Phụ kiện van	Trim Gasket*, mã hiệu V269031. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-10-1		Cái	2,00	
23.	Phụ kiện van	Trim Gasket*, mã hiệu V268903. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 6" (150 mm), CL300, WCB, BW, GS-700-160DA, Serial Number: 0710-147050-10-1		Cái	2,00	
24.	Phụ kiện van	Body/Bonnet Gasket, mã bản vẽ: V285759. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 2" (50 mm), CL150, WCB, BW, GS-700-60DA Serial Number: 0710-147050-12-1		Cái	1,00	
25.	Phụ kiện van	Bạc dẫn hướng, Guide Bushing, mã bản vẽ V373407. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 2" (50 mm), CL150, WCB, BW, GS-700-60DA Serial Number: 0710-147050-12-1		Cái	1,00	
26.	Phụ kiện van	Tết chèn ty van, Packing Set, mã bản vẽ V368489. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 2" (50 mm), CL150, WCB, BW, GS-700-60DA Serial Number:		Cái	1,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		0710-147050-12-1				
27.	Phụ kiện van	Gioăng làm kín, Trim Gasket, mã bản vẽ V267788. Theo mã số chế tạo của nhà SX của hãng SPX - Copes Vulcan. Van Model: 2" (50 mm), CL150, WCB, BW, GS-700-60DA Serial Number: 0710-147050-12-1		Cái	2,00	
28.	Van tay	Loại tay gạt ren 2 đầu DN15 vật liệu SUS304, PN16		Cái	12,00	
29.	Van tay	Loại tay gạt: ball valve class 1500, 3/4" inch, van kết nối kiểu hàn, vật liệu làm kín Viton, vật liệu thân van SUS304, hãng van Babcock		Cái	1,00	
30.	Van cổng	DN100, PN16 (KT: L=229, tâm lỗ 180). Vật liệu: Gang/thép		Cái	4,00	
31.	Van tay	Van tay J61Y-PW55, DN15, T<555 độ, PN 32 Mpa		Cái	23,00	
32.	Van tay	J61Y-PW55, DN10, T<555 độ, PN 10 Mpa (kết nối kiểu hàn)		Cái	4,00	
33.	Phụ kiện van SPX	Đệm thân và nắp/ Body/Bonnet Gasket: Mã số chế tạo V262063 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
34.	Phụ kiện van SPX	Màng van/ Diaphragm: Mã số chế tạo V185988 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
35.	Phụ kiện van SPX	Bạc dẫn hướng/ Guide Bushing: Mã số chế tạo V373407 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
36.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín/ Packing Set*: Mã số chế		Cái	2,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		tạo V368489 của hãng SPX - Copes Vulcan				
37.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín thân van/ Trim Gasket*: Mã số chế tạo V268900 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
38.	Phụ kiện van SPX	Ty van/ Stem: Mã số chế tạo VSTM310216002 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
39.	Phụ kiện van SPX	Đệm thân và nắp/ Body/Bonnet Gasket: Mã số chế tạo V271074 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	8,00	
40.	Phụ kiện van SPX	Màng van/ Diaphragm: Mã số chế tạo V185988 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	8,00	
41.	Phụ kiện van SPX	Bạc dẫn hướng/ Guide Bushing: Mã số chế tạo V373407 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	8,00	
42.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín/ Packing Set*: Mã số chế tạo V368489 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	8,00	
43.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín thân van/ Trim Gasket*: Mã số chế tạo V286711 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	8,00	
44.	Phụ kiện van SPX	Ty van/ Stem: Mã số chế tạo VSTM310216002 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	8,00	
45.	Phụ kiện van SPX	Đệm thân và nắp/ Body/Bonnet Gasket: Mã số chế tạo V262062Q của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	4,00	
46.	Phụ kiện van SPX	Màng van/ Diaphragm: Mã số chế tạo V185989 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	4,00	
47.	Phụ kiện van	Bạc dẫn hướng/ Guide		Cái	4,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	SPX	Bushing: Mã số chế tạo V373407 của hãng SPX - Copes Vulcan				
48.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín/ Packing Set*: Mã số chế tạo V368489 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	4,00	
49.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín thân van/ Trim Gasket*: Mã số chế tạo V268901 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	4,00	
50.	Phụ kiện van SPX	Ty van/ Stem: Mã số chế tạo VSTM310217502 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	4,00	
51.	Phụ kiện van SPX	Vòng đệm phân truyền động/Actuator Gasket: Mã số chế tạo V197501 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
52.	Phụ kiện van SPX	Bạc dẫn hướng/ Guide Bushing: Mã số chế tạo V373408 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
53.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín/ Packing Set*: Mã số chế tạo V368494 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
54.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín thân van/ Trim Gasket*: Mã số chế tạo V269593 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
55.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín thân van/ Trim Gasket*: Mã số chế tạo V2695034 của hãng SPX - Copes Vulcan (2 cái /bộ)		Bộ	2,00	
56.	Phụ kiện van SPX	Ty van/ Stem: Mã số chế tạo VSTM320323502 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
57.	Phụ kiện van SPX	Đệm thân và nắp/ Body/Bonnet Gasket: Mã số chế tạo V286165 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
58.	Phụ kiện van SPX	Màng van/ Diaphragm: Mã số chế tạo V185990 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
59.	Phụ kiện van SPX	Bạc dẫn hướng/ Guide Bushing: Mã số chế tạo V373407 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
60.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín/ Packing Set*: Mã số chế tạo V368489 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	
61.	Phụ kiện van SPX	Gioăng đệm làm kín thân van/ Trim Gasket*: Mã số chế tạo V325432 của hãng SPX - Copes Vulcan (2 cái/ bộ)		Bộ	2,00	
62.	Phụ kiện van SPX	Ty van/ Stem: Mã số chế tạo VSTM310217502 của hãng SPX - Copes Vulcan		Cái	2,00	

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)
Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào hàng)
Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào hàng)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hàng hóa thứ nhất.												
2	Hàng hóa thứ nhất.												
n	Hàng hóa thứ n												
Tổng giá trị													

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng:
- b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Hàng hóa được sản xuất năm (trở lại đây)
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).
- 4. Bảo hành (nếu có):
- 5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)